TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 80/2025/QĐST-HNGĐ	*Đơn Dương, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: ông **Lê Q**, sinh năm: 1972; địa chỉ: thị trấn T, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông **Lê Xuân T**, sinh năm 1966 – Là luật sư của văn phòng Luật sư Nhân Trung thuộc đoàn Luật sư Tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng.

Bị đơn: bà **Trương Thị T**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: thị trấn T, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền trong việc chia tài sản chung: ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Theo văn bản ủy quyền số 237, quyển số 04/2025/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 02/4/2025.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung ngày 12 tháng 6 năm 2025 của ông Lê Q và bà Trương Thị T;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Lê Q và bà Trương Thị T.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 quyển số 0198 ngày 16/12/1998 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đơn Dương chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đề cập đến.

2.2. Về tài sản chung:

Ông Lê Q và bà Trương Thị T thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản chung bằng hiện vật, không thanh toán chệnh lệch giữa hai bên theo biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung do hai bên lập ngày 12/6/2025 được gửi đến Tòa án ngày 13/6/2025.

Cụ thể như sau:

Ông Lê Q được chia các tài sản sau:

1/ Diện tích 75m^2 ODT thuộc thửa 311 tờ bản đồ 09 QH tại thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 193681 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 04/04/2016 (Diện tích đo đạc hiện trạng là 95m^2 thuộc thửa đất 1/27 tờ bản đồ 20 thị trấn Thạnh Mỹ đo năm 2007; trong đó có 75m^2 ODT đã được công nhận QSD đất, 20m^2 thuộc diện tích đường bản đồ quy hoạch chưa được công nhận);

2/ Diện tích 2.808m^2 thuộc thửa 196 tờ bản đồ 11 thị trấn T, trong đó có 300m^2 đất ODT + 2508m^2 HNK (đo năm 2007) tại Tổ dân phố Nghĩa Lập 5, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 032632 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 23/10/2014 (Giấy CNQSD đất cập nhập tên Lê Q, bà Trương Thị T do UBND huyện cập nhật sai tên bà Trương Thị T). Diện tích đo đạc hiện trạng là 2.856m^2, trong đó có 300m^2 đất ODT + 2556m^2 HNK. Cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất 196 gồm 01 căn nhà xây cấp 04 có tổng diện tích 109,8m^2, mái che khung tiền chế; 20 cây bơ ghép trên 05 năm tuổi và 41 cây sầu riêng ghép dưới 01 năm tuổi.

Bà Trương Thị T được chia các tài sản sau:

1/ Diện tích 72,5m^2 ODT thuộc thửa 349 tờ bản đồ 09 QH tại thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 830918 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 31/07/2006. (Diện tích đo đạc hiện trạng là 78,5m^2 thuộc thửa đất 1/199 tờ bản đồ 16 thị trấn T đo năm 2007; trong đó có 72,5m^2 ODT đã được công nhận QSD đất, 6m^2 thuộc diện tích mương bản đồ chưa được công nhận).

2/ Diện tích 72,5m^2 ODT thuộc thửa 348 tờ bản đồ 09 QH tại thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 830919 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 31/07/2006 (Diện tích đo đạc

hiện trạng là 79,5m^2 thuộc thửa đất 1/199 tờ bản đồ 16 thị trấn Thạnh Mỹ đo năm 2007; trong đó có 72,5m^2 ODT đã được công nhận QSD đất, 7m^2 thuộc diện tích mương bản đồ chưa được công nhận).

3/ Diện tích 162m^2 thuộc thửa 236 tờ bản đồ 12 (đo năm 2007), trong đó có 155m^2 ODT + 7m^2 đất HNK tại tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 024656 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 08/04/2015;

4/ Diện tích 66m^2 đất ODT thuộc thửa 244 tờ bản đồ 09 QH tại thị trấn T, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 830918 do UBND huyện Đơn Dương cấp ngày 03/12/2003. (Diện tích đo đạc hiện trạng là 103m^2 thuộc thửa đất 448 tờ bản đồ 18 thị trấn T đo năm 2007; trong đó có 66m^2 ODT đã được công nhận QSD đất, 37m^2 thuộc diện tích đường bản đồ chưa được công nhận). Tài sản trên thửa đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 64,8m^2.

Quyền sử dụng đất chia cho ông Lê Q và bà Trương Thị T có kèm theo sơ đồ hiện trạng đo vẽ các thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương cung cấp kết quả ngày 16/5/2025.

Ông Lê Q và bà Trương Thị T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai thực hiện thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao theo quy định của Luật đất đai hiện hành.

Phần tài sản cho con:

- Cho con gái là Lê Thị Xuân H 06 cây vàng 9999 để ăn học tại Hàn Quốc (số vàng này bà T cũng đã chuyển cho cháu H).

- Cho con gái là Lê Thị Xuân H số tiền mặt 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để ăn học tại Hàn Quốc (số tiền này bà T đã chuyển cho cháu Lê Xuân H vào ngày 18/02/2025).

- Số lượng hàng tạp hóa, gia dụng đang kinh doanh tại chợ T giao cho bà T quản lý kinh doanh để tiếp tục lo cho cháu Lê Thị Xuân H ăn học tại Hàn Quốc.

Về quyền lưu cư: Bà Trương Thị T được quyền lưu cư trong căn nhà trên thửa đất 196 tờ bản đồ 11 thị trấn T trong thời gian 06 tháng kể từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/01/2026.

2.3. Về nợ chung: Ông Lê Q, bà Trương Thị T thống nhất xác nhận không có nợ chung.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định, định giá tài sản*:* Ông Lê Q thỏa thuận nhận chịu hết số tiền chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ, định giá. Đã quyết toán xong nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Ông Lê Q thỏa thuận nhận chịu 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Căn cứ quy định tại điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Lê Q, bà Trương Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự chia tài sản chung. Căn cứ vào biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0002876 ngày 18/02/2025 ông Lê Q đã nộp 57.000.000đ và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003066 ngày 10/6/2025 ông Lê Q đã nộp 40.670.000đ tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương; tổng cộng ông Lê Q đã nộp 97.670.000đ tiền tạm ứng án phí. Hoàn trả lại cho ông Lê Q số tiền tạm ứng án phí sau khi khấu trừ số tiền 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn là 97.520.000đ (Chín mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS Đơn Dương;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kim Ngân